CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn Yeah1

Ngày 30/06/2025	12,450 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.3%	**-9.1%**	**-**

DT thuần
Q2/25
459
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 241| 111%
YoY: ▲ 248| 118%

LN thuần
Q2/25
37.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 10.2| 36.8%
YoY: ▲ 21.8| 135%

LN sau thuế
Q2/25
36.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.7| 54.7%
YoY: ▲ 26.6| 281%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
9.2%
YoY: +/-▼ 6.2%

ROE (TTM)
Q2/25
8.8%
YoY: +/-▲ 0.9%

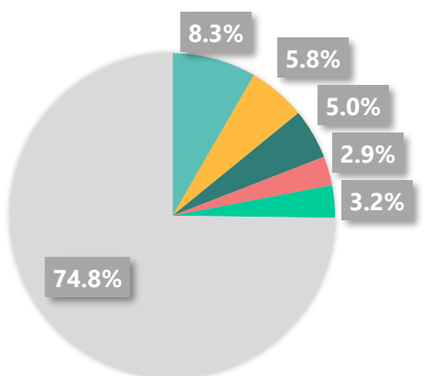
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,260 - 21,175
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,388
Số lượng CPLH (CP)	191,802,035
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,194,490
Sở hữu nước ngoài	11.8%
Beta	0.98
EPS	802
P/E	15.5

DT thuần
6T 2025
677
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 393| 138%

LN thuần
6T 2025
65.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 37.9| 137%

LN sau thuế
6T 2025
59.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 37.8| 176%

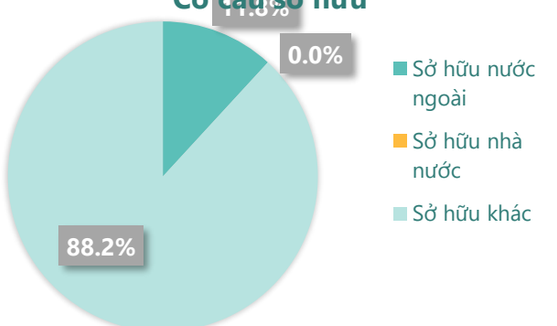
Cơ cấu cổ đông



- PYN Elite Fund (Non-Ucits)
- Lê Phương Thảo (Chủ tịch HĐQT)
- Chế Đoàn Viên
- Nguyễn Thị Khánh Hòa
- Ancla Asset Limited
- Khác

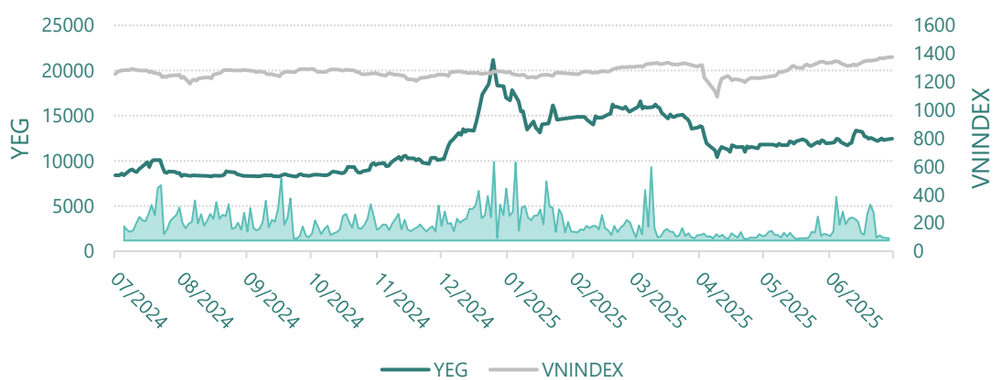
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



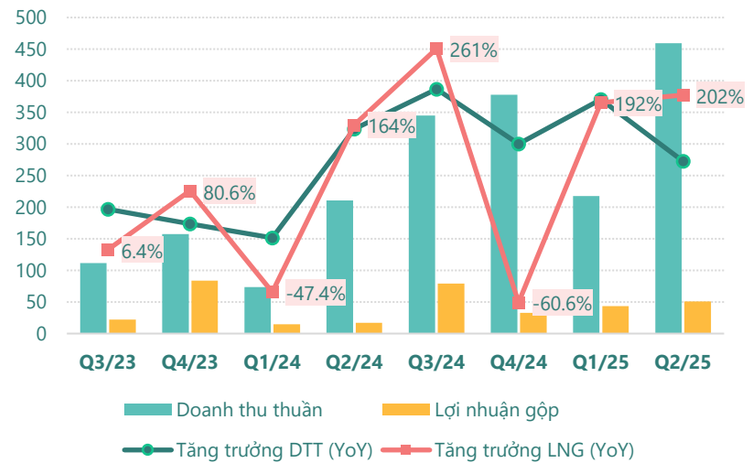
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



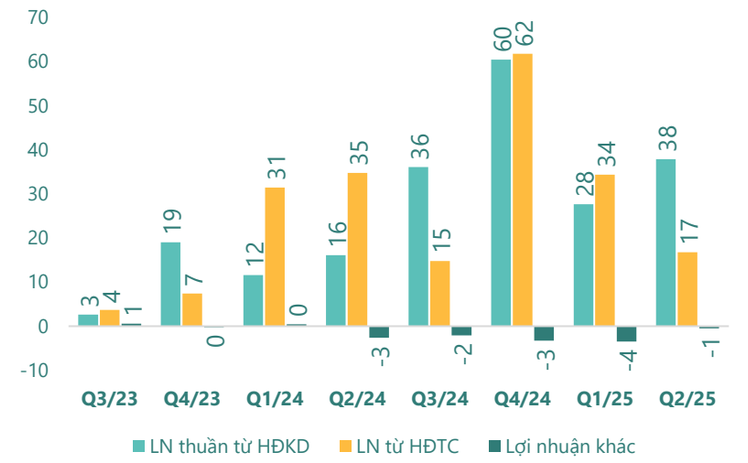
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



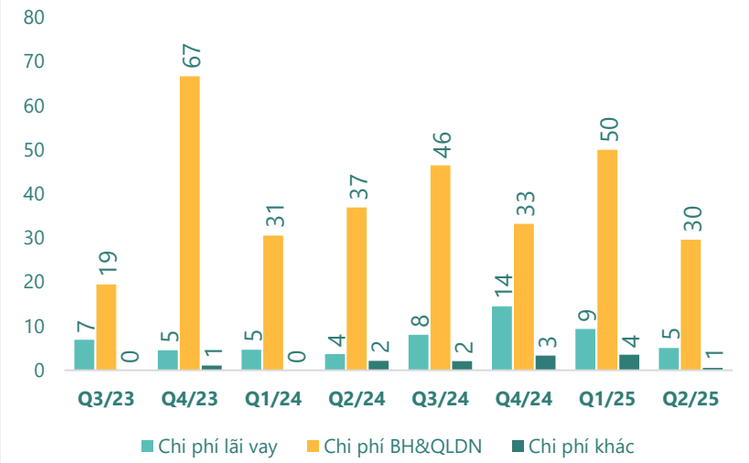
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



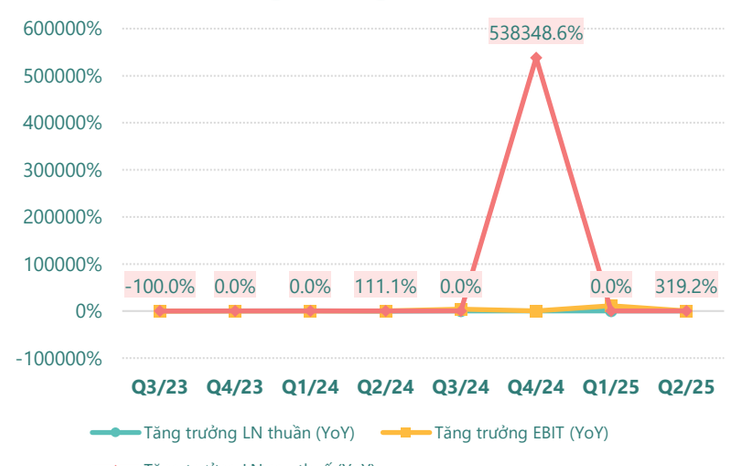
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



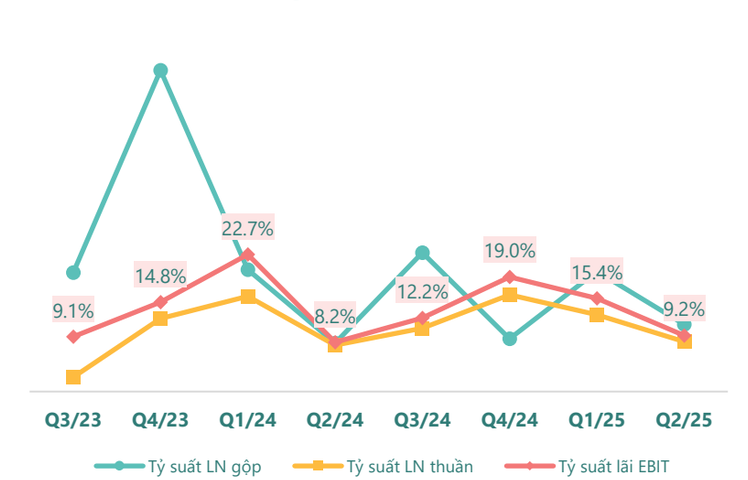
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



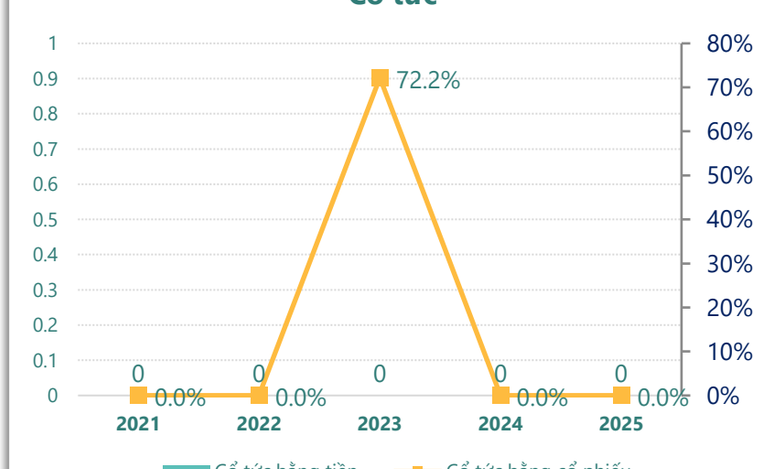
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

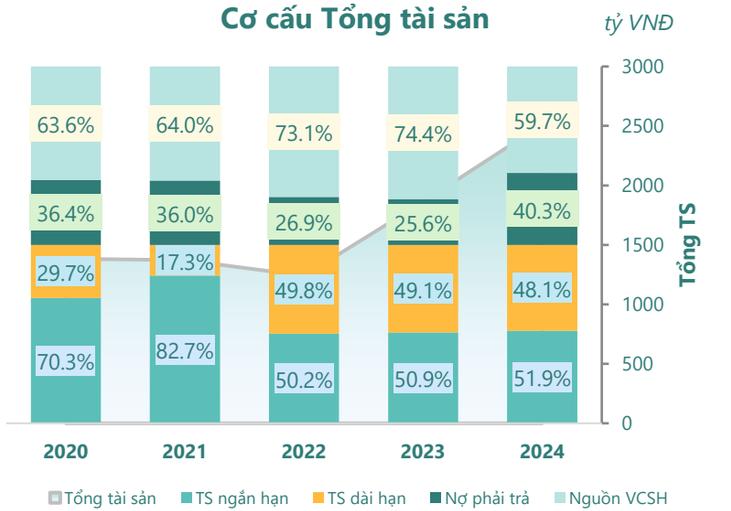
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

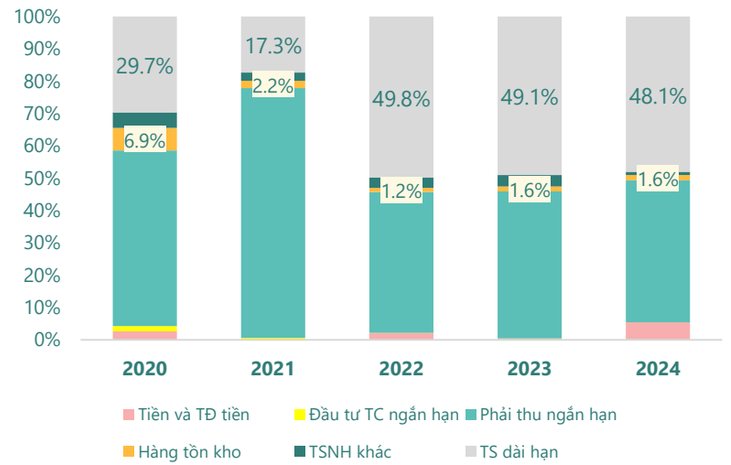
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



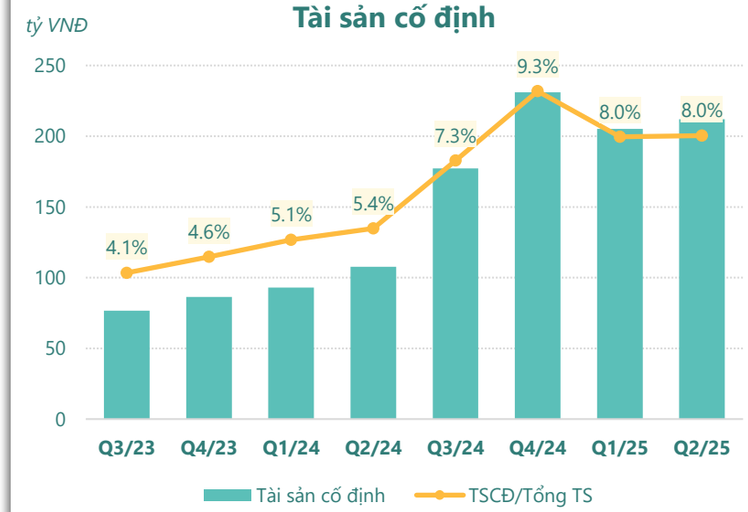
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



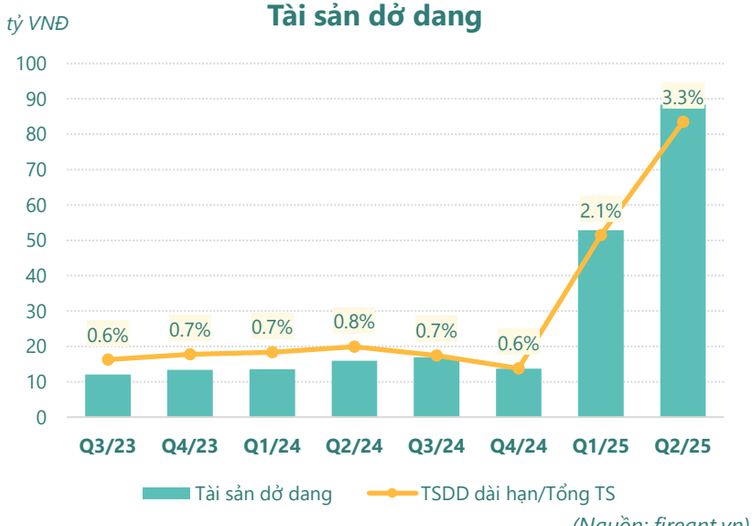
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



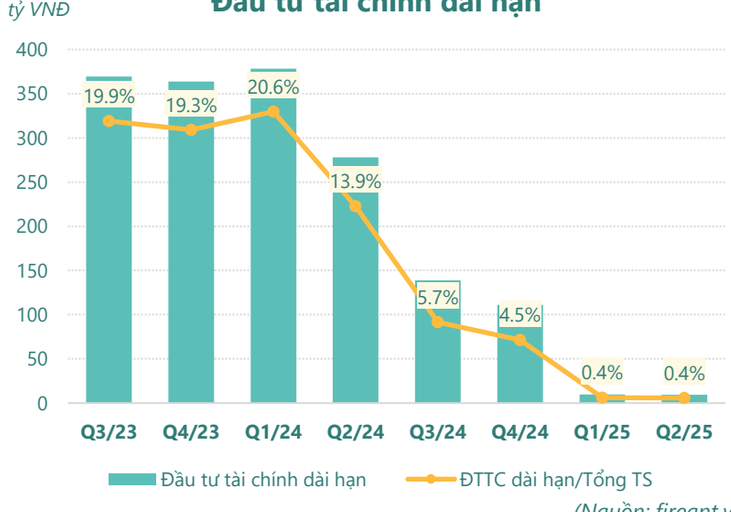
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



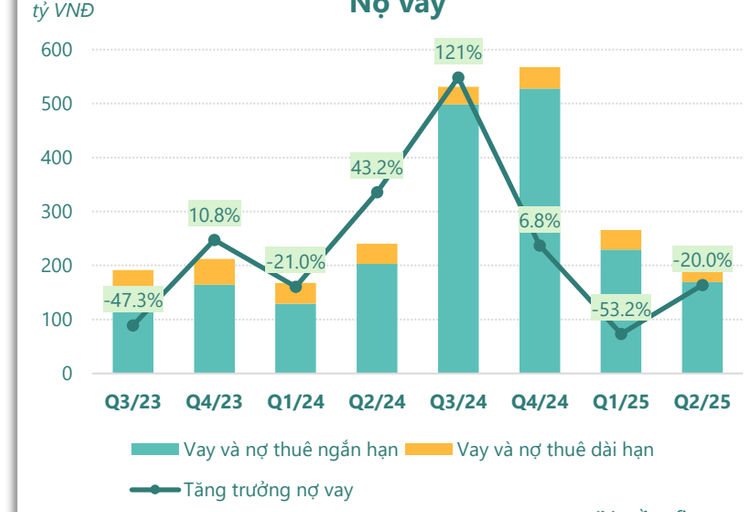
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

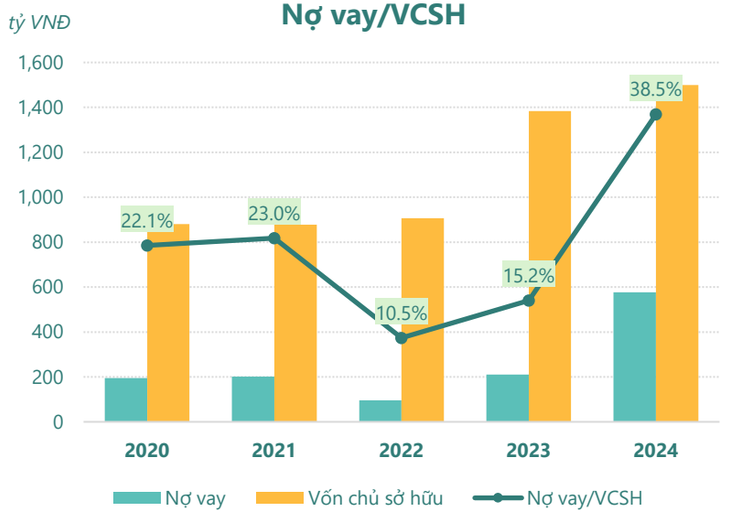
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

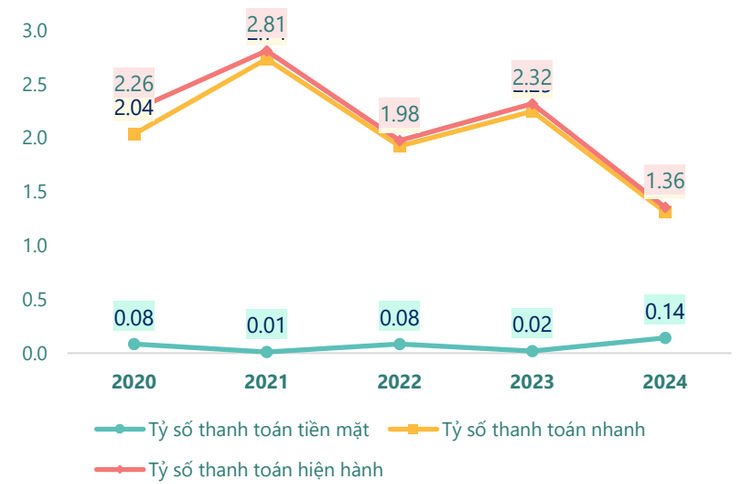
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



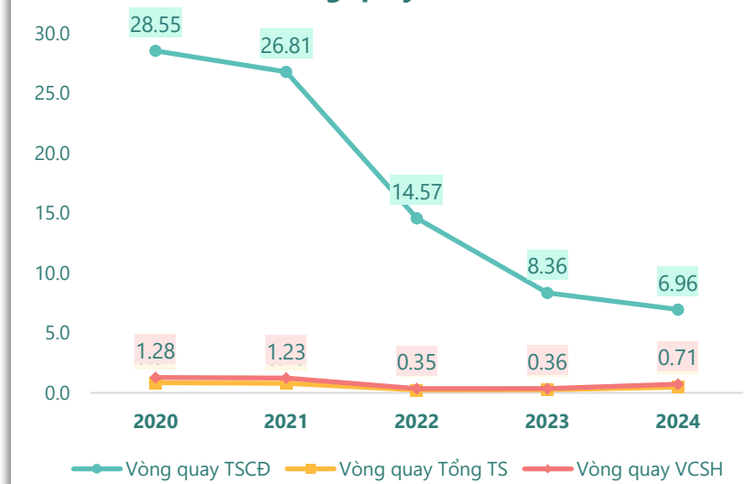
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



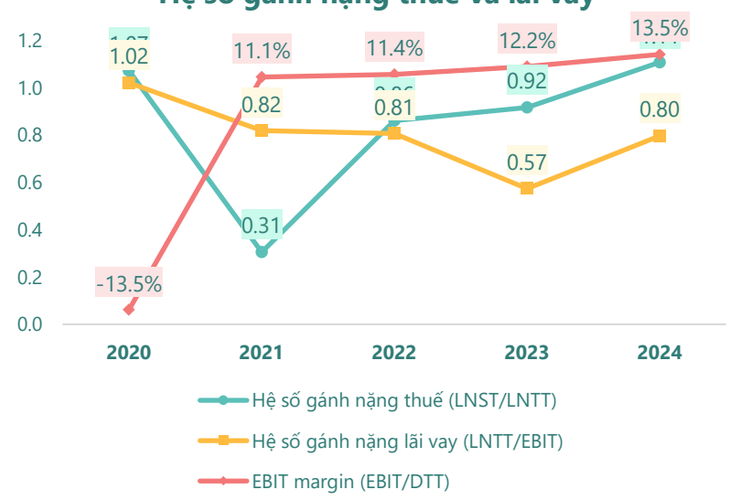
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



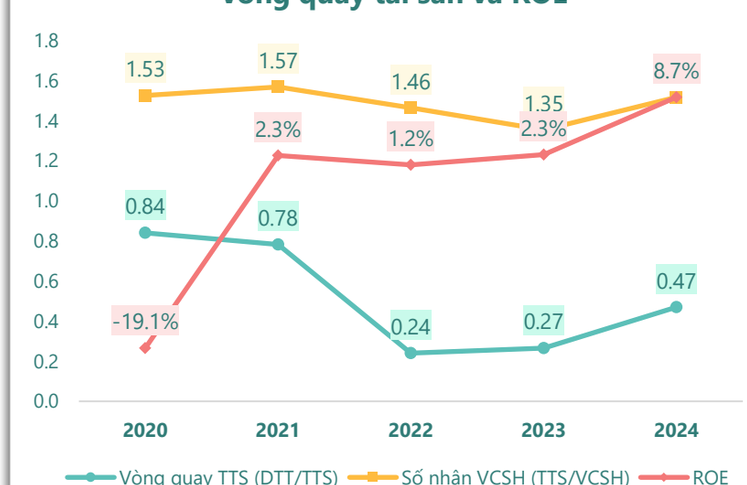
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



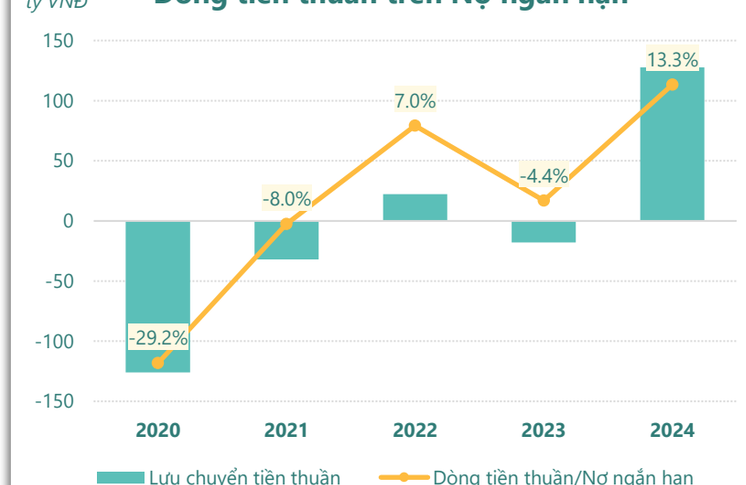
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**459**	**211**	**118%**	**677**	**284**	**138%**
Giá vốn hàng bán	408	194	110%	583	252	131%
Lợi nhuận gộp	50.9	16.9	201%	94.2	31.7	197%
Doanh thu HĐTC	11.6	40.9	-71.6%	66.7	77.0	-13.4%
Chi phí TC	-5.14	6.11	-184%	15.5	10.8	44.4%
Chi phí lãi vay	5.06	3.66	38.1%	14.4	8.31	73.6%
LN trong công ty LKLD	**-0.11**	**1.39**	**-108%**	**-0.11**	**-2.74**	**95.9%**
Chi phí bán hàng	9.91	4.65	113%	15.5	9.55	62.2%
Chi phí QLDN	**19.7**	**32.3**	**-38.9%**	**64.1**	**57.9**	**10.7%**
LN thuần từ HĐKD	37.9	16.1	135%	65.6	27.7	137%
Lợi nhuận khác	**-0.52**	**-2.60**	**80.1%**	**-4.02**	**-2.15**	**-87.0%**
LN trước thuế	37.4	13.5	177%	61.5	25.5	141%
Lợi nhuận sau thuế	**36.0**	**9.45**	**281%**	**59.3**	**21.5**	**176%**
LNST của CĐ cty mẹ	**29.6**	**12.0**	**147%**	**56.0**	**29.1**	**92.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-21.0	-32.3	-74.5	-20.0	-139	56.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-30.1	-28.2	-161	108	-19.7	-64.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	48.7	61.6	246	27.3	269	-54.3
Tiền đầu kỳ	8.46	6.09	7.23	16.7	136	246
Lưu chuyển tiền thuần	**-2.37**	**1.14**	**9.52**	**116**	**110**	**-61.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0.11
Tiền cuối kỳ	6.09	7.23	16.7	132	246	185

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,646**	**2,513**	**5.3%**
Tài sản ngắn hạn	1,677	1,305	28.5%
Tiền và tương đương tiền	185	136	35.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.23	1.23	-81.3%
Phải thu ngắn hạn	1,388	1,102	25.9%
Hàng tồn kho	93.4	40.8	129%
Tài sản ngắn hạn khác	10.9	25.1	-56.5%
Tài sản dài hạn	**969**	**1,208**	**-19.8%**
Phải thu dài hạn	336	477	-29.5%
Tài sản cố định	212	209	1.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	88.4	63.2	39.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	9.54	111	-91.4%
Tài sản dài hạn khác	**36.7**	**45.5**	**-19.4%**
Lợi thế thương mại	286	302	-5.3%
Nợ phải trả	544	1,013	-46.3%
Nợ ngắn hạn	**501**	**963**	**-48.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	169	527	-67.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	114	138	-16.9%
Nợ dài hạn	43.4	50.0	-13.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	43.4	50.0	-13.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,102**	**1,500**	**40.1%**
Vốn chủ sở hữu	**2,102**	**1,500**	**40.1%**
Vốn điều lệ	1,918	1,370	40.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)